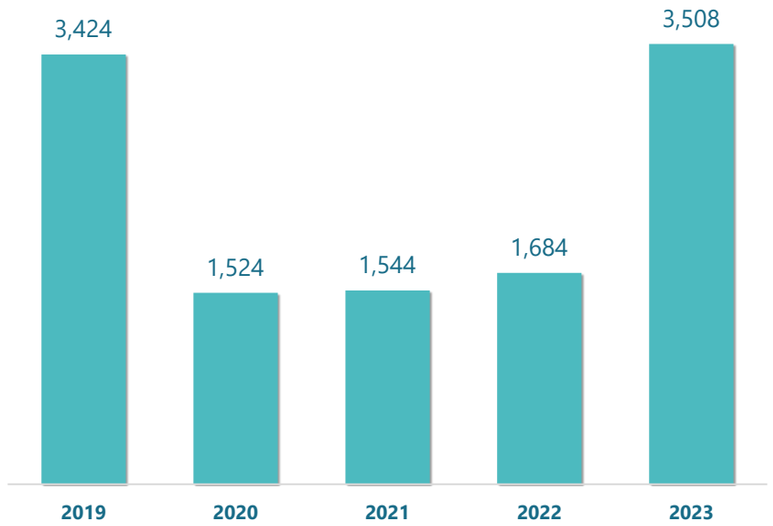
CTCP Than Đèo Nai - Vinacomin

FireAnt

Ngày 29/12/2023	10,300 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	7.3%	**4.0%**	**-2.8%**

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	6,521 - 11,400
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	303
Số lượng CPLH (CP)	29,439,097
KLGD BQ 20 phiên (CP)	22,475
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.55
EPS	3,781
P/E	2.7

EPS



(Nguồn: fireant.vn)

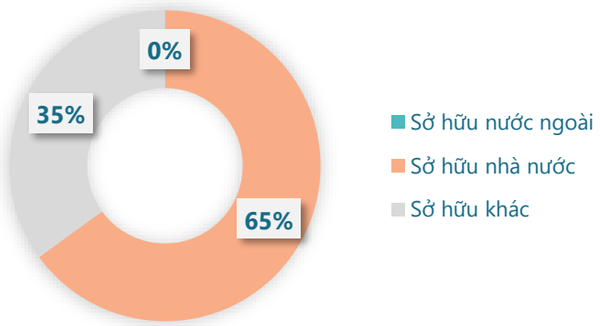
DT thuần
2023
3,981
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 188| 5.0%

LN trước thuế
2023
129
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 66.8| 107%

LN sau thuế
2023
103
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 53.4| 108%

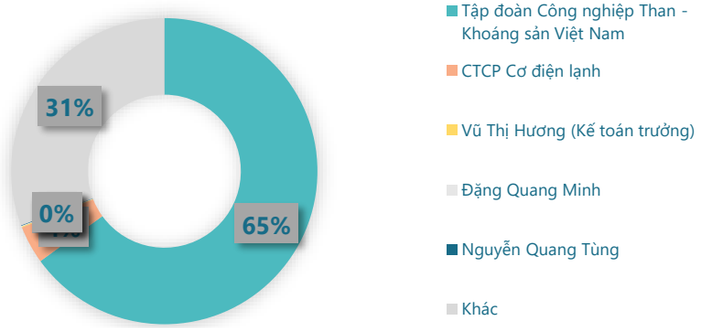
ROE
2023
26.2%
+/- YoY: ▲ 13.2%

Cơ cấu sở hữu



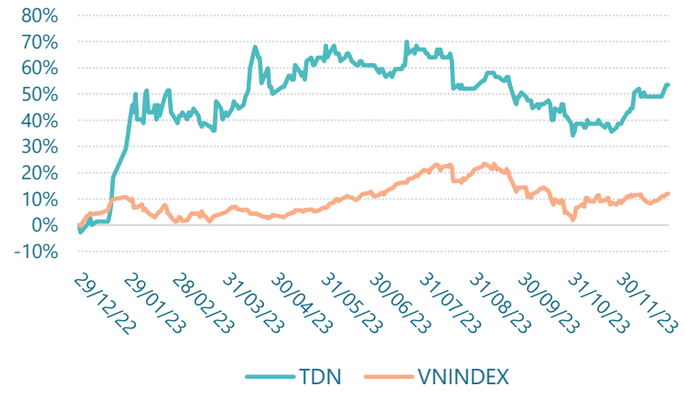
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



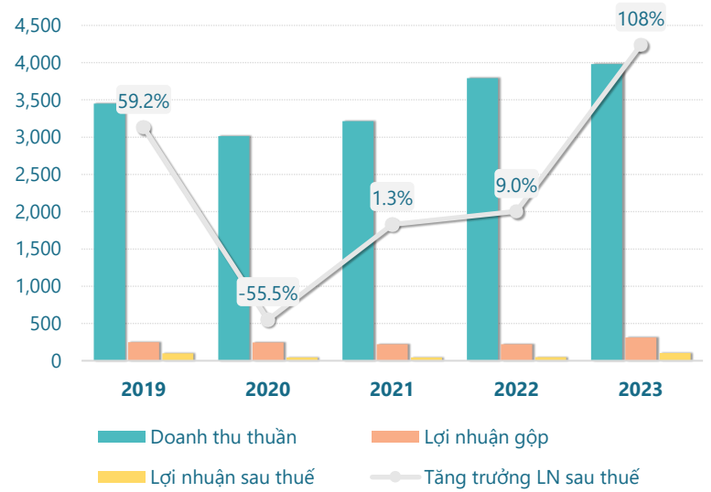
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



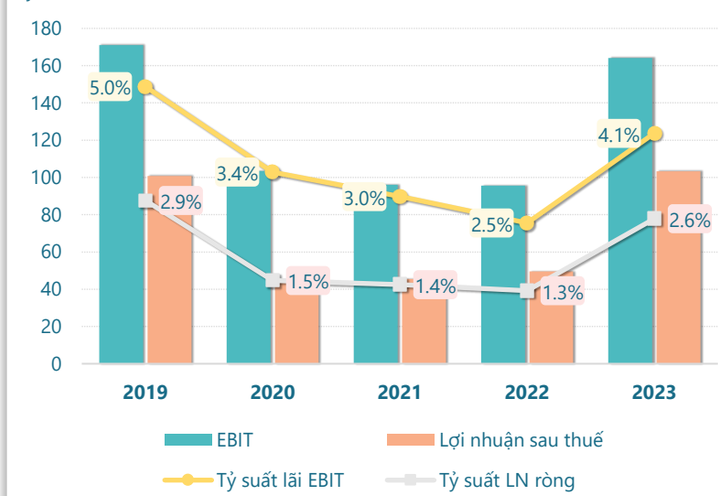
CTCP Than Đèo Nai - Vinacomin

Kết quả kinh doanh



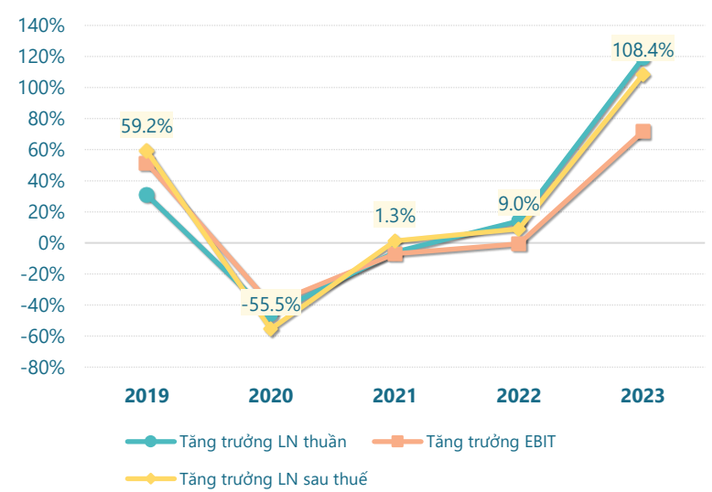
(Nguồn: fireant.vn)

EBIT - Lợi nhuận sau thuế



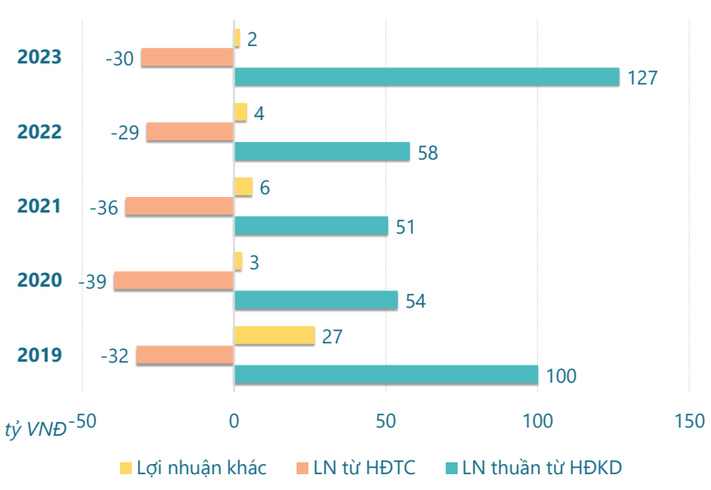
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



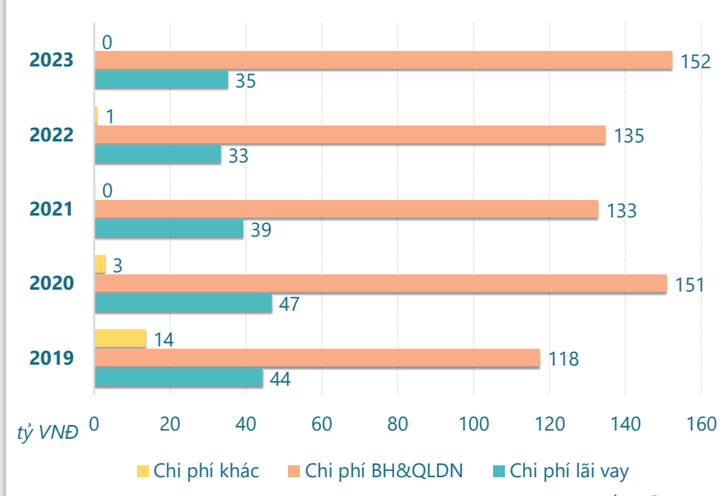
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu lợi nhuận



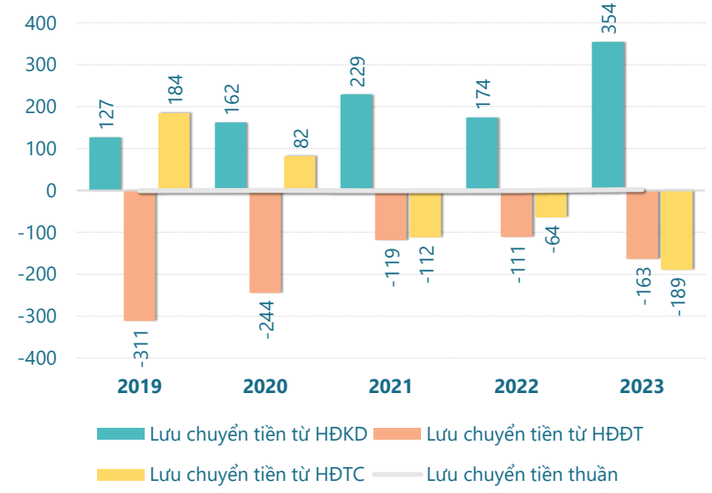
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu chi phí



(Nguồn: fireant.vn)

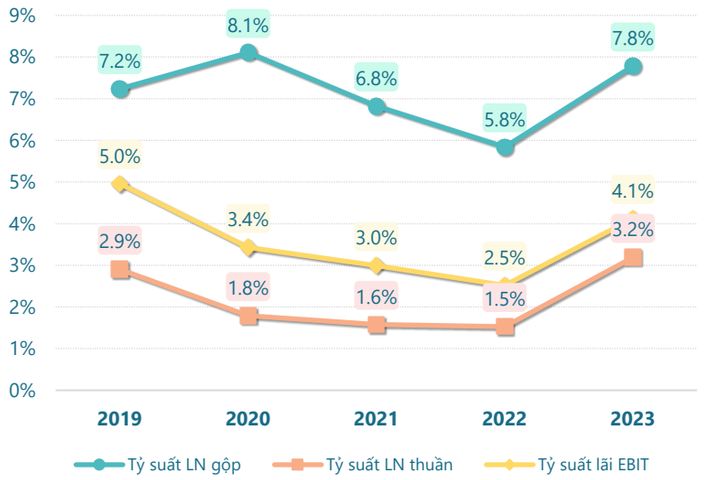
Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

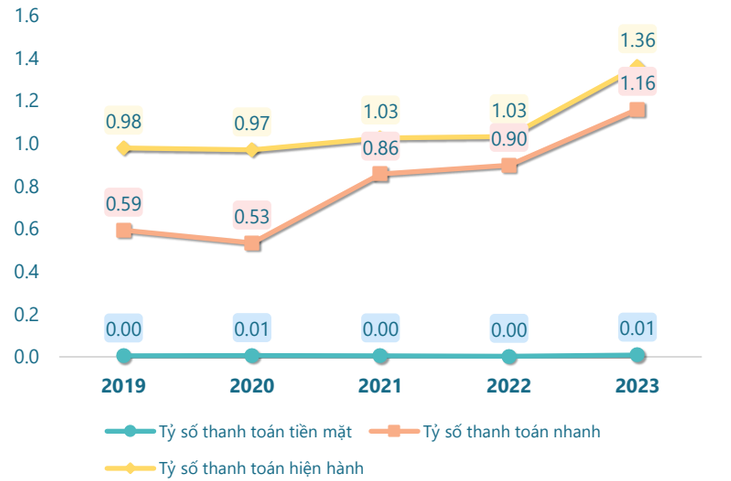
CTCP Than Đèo Nai - Vinacomin

Tỷ suất lợi nhuận



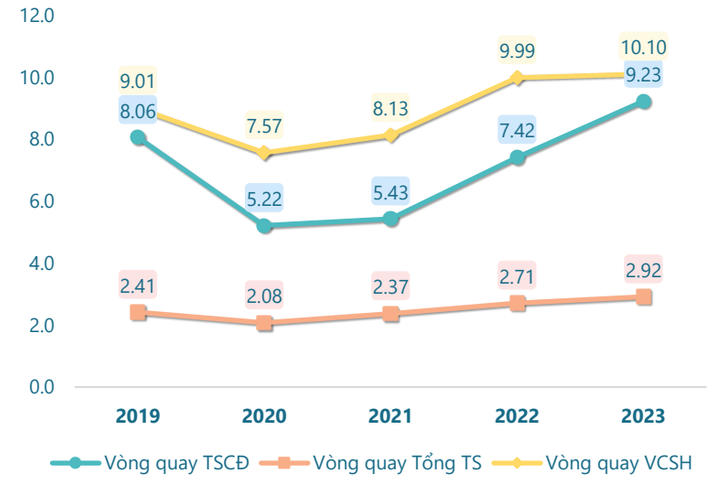
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



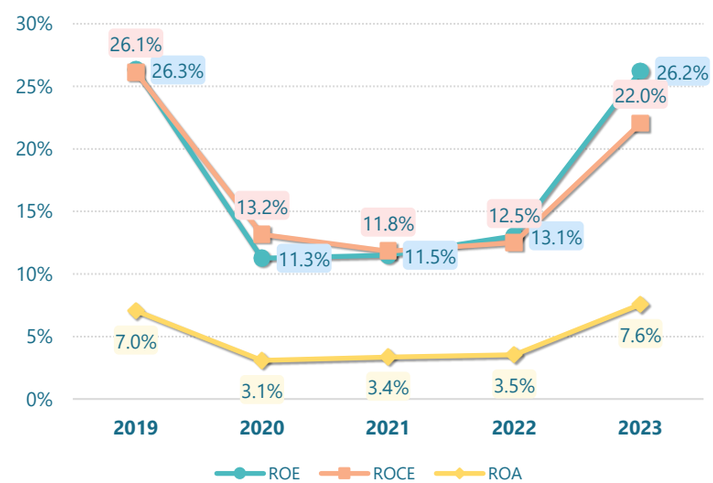
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



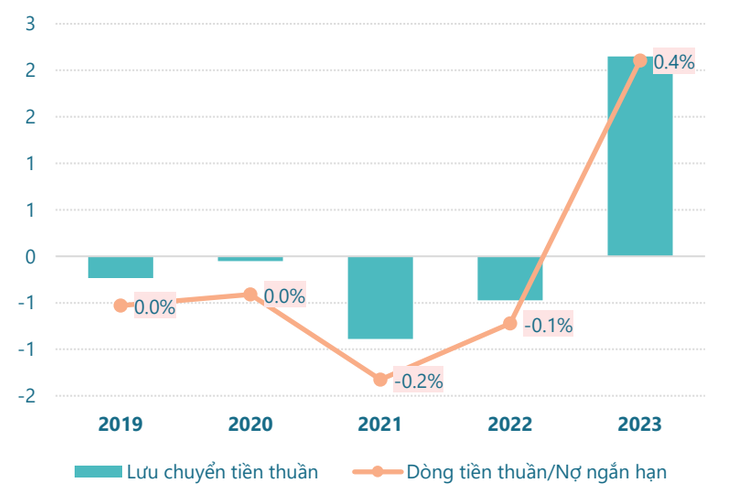
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



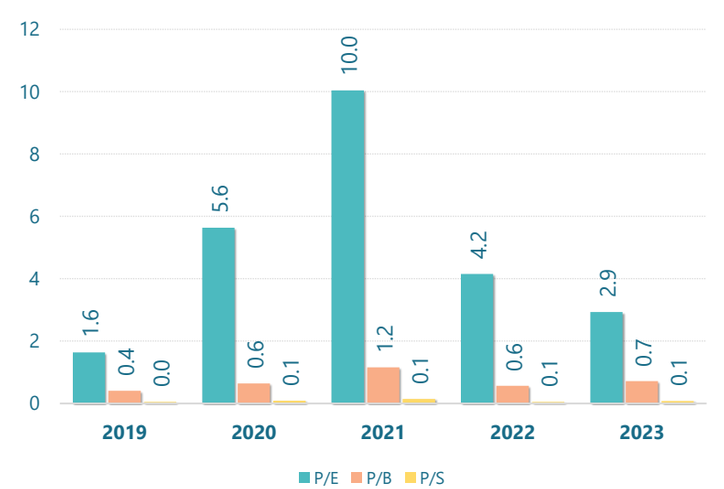
(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

Nhóm chỉ số định giá



(Nguồn: fireant.vn)